

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 93/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 05/5/2025
V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi
con chung”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Hà Huy Phong.
- **Các Hội thẩm nhân dân:** Bà Đào Thị Thu Vân và ông Trịnh Văn Bé.

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Tiểu Ngọc, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Tiên – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 57/2025/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2025 tranh chấp “hôn nhân và gia đình ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 141/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 174/2025/QĐST – HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:** Chị Trần Thị Ngọc T, sinh năm 2003; nơi cư trú: số H, tổ C, ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang (có đơn xin xử vắng mặt).
- Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn Hoài L, sinh năm 1997; nơi cư trú: ấp N, xã N, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Ngọc T trình bày: Chị T với anh L do quen biết, cả hai cùng tìm hiểu, tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định vào ngày 23/8/2022 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh An Giang, cả hai sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn do không tôn trọng, bất đồng quan điểm thường xuyên cự cãi không thể hàn gắn, sống ly thân cho đến nay. Nay thấy tình cảm không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn với anh L.

Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Văn Hoài T1, sinh ngày 17/12/2022; hiện nay con chung đang sống với chị T. Sau khi ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu T1; không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp: trích lục kết hôn số 68/TLKH-BS ngày 30/01/2023; giấy khai sinh con chung (bản sao).

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên hòa giải để động viên chị T, anh L xóa bỏ bất đồng quan điểm, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với anh L; anh L vắng mặt nhưng không cung cấp văn bản trình bày ý kiến nên không tiến hành hòa giải được. Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án theo quy định.

Tại phiên tòa, chị T có đơn xin vắng mặt, vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh L; về con chung, yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con chung; không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Anh Linh vắng mặt nên không thể ghi nhận được ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và giải quyết vụ án như sau:

- *Về tố tụng:* Tòa án đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Ý kiến giải quyết vụ án:*

Chị T và anh L tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật vào ngày 23/8/2022 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh An Giang thuộc trường hợp hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, không còn chung sống với nhau cho đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn chị T yêu cầu ly hôn với anh L. Xét thấy, vợ chồng chị T, anh L phát sinh mâu thuẫn, hay cự cãi, bất đồng quan điểm, anh L thường xuyên chơi game không phụ giúp chăm con, ba mẹ chồng biết nhưng không nhắc nhở, bênh vực anh L. Đến tháng 3/2023 con chung nhập viện, chị T ở bệnh viện chăm, vợ chồng thường xuyên cự cãi, khi chị về lấy đồ thì ba mẹ chồng không cho, đuổi ra khỏi nhà. Đến tháng 7/2023 con chung mới được xuất viện, chị T dẫn con về sống ở nhà ba mẹ ruột. Từ đó đến nay, anh L không ghé thăm con, không có ý định hàn gắn, không liên lạc được. Ông L đã được triệu tập nhưng vắng mặt không rõ lý do, không gửi văn bản ghi ý kiến. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà T là có căn cứ, phù hợp với quy định theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Văn Hoài T1, sinh ngày 17/12/2022; hiện nay con chung đang sống với chị T. Sau khi ly hôn, chị T yêu cầu

được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu T1; không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con; kể từ thời điểm vợ chồng ly thân, con chung sống cùng với chị T, phát triển ổn định về thể chất, tinh thần nên tiếp tục giao cháu cho chị T nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh L1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: chị T không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đề cập giải quyết.

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, đề xuất:

- Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Ngọc T đối với ông Nguyễn Văn Hoài L.

- Giao con chung Nguyễn Văn Hoài T1, sinh ngày 17/12/2022 cho chị Trần Thị Ngọc T tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Anh L1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp:

Chị Trần Thị Ngọc T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn Hoài L được xác định là tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền:

Bị đơn Nguyễn Văn Hoài L có nơi cư trú tại địa bàn huyện C, tỉnh An Giang. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang theo quy định tại các Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự:

Trước khi phiên tòa được mở Trần Thị Ngọc T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Văn Hoài L được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1] Về tính hợp pháp: Chị T và anh L tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định vào ngày 23/8/2022 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh An Giang thuộc trường hợp hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận, bảo vệ.

[2.2] Về tình trạng hôn nhân:

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, hay cự cãi, bất đồng quan điểm, nguyên nhân mâu thuẫn phát sinh do anh L nghiện game, không phụ giúp chăm con, gia đình bên chồng biết nhưng không nhắc nhở mà còn đứng ra bên vực anh L. Vào tháng 3/2023, khi con chung nhập viện, chị T luôn túc trực ở bệnh viện chăm sóc con, vợ chồng thường xuyên cự cãi, khi chị T về nhà chồng lấy đồ thì ba mẹ chồng không cho vào và đuổi chị ra khỏi nhà. Đến tháng 7/2023 cháu T1 được xuất viện, chị T dẫn con về sống ở nhà ba mẹ ruột. Từ đó đến nay, anh L không ghé thăm con, không có ý định hàn gắn, không liên lạc được. Anh L1 đã được triệu tập nhưng vắng mặt không rõ lý do, không gửi văn bản ghi ý kiến. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà T là có căn cứ, phù hợp với quy định theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Quá trình giải quyết vụ án, chị T kiên quyết xin được ly hôn, anh L1 vắng mặt không thể hiện thiện chí hàn gắn tình cảm, có căn cứ xác định chị T, anh L1 không còn tình cảm với nhau, mục đích hôn nhân không đạt, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh L1.

[3] Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Văn Hoài T1, sinh ngày 17/12/2022; hiện nay con chung đang sống với chị T. Sau khi ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu T1; không yêu cầu anh L1 phải cấp dưỡng cho con; kể từ thời điểm vợ chồng ly thân, con chung sống cùng với chị T, phát triển ổn định về thể chất, tinh thần nên tiếp tục giao cháu cho chị T nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh L1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Mặt khác, anh L1 không có văn bản trình bày ý kiến, không tranh chấp việc nuôi con nên cần ổn định cuộc sống của cháu, tiếp tục giao cháu T1 cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Do chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập đến.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu, nên không đề cập;

[6] Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật Tố tụng Dân sự. Anh L1 không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Khoản 3, 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, các điểm g, h khoản 1 Điều 40, Điều 144, 147, 227, 228, 235, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Ngọc T.

1.1 Về hôn nhân: Chị Trần Thị Ngọc T được ly hôn với Nguyễn Văn Hoài L.

1.2 Về con chung: Giao con chung Nguyễn Văn Hoài T1, sinh ngày 17/12/2022 cho chị Trần Thị Ngọc T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con chung đến tuổi trưởng thành và có khả năng lao động.

Anh Nguyễn Văn Hoài L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Trần Thị Ngọc T cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Nguyễn Văn Hoài L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Văn Hoài T1, sinh ngày 17/12/2022.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

2. Về tài sản chung: không yêu cầu, Tòa án không đề cập xem xét, giải quyết.

3. Về nợ chung: Chị Trần Thị Ngọc T, anh Nguyễn Văn Hoài L không yêu cầu Tòa án giải quyết, không đề cập.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Ngọc T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn) án phí hôn nhân sơ thẩm được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0023996 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 03/02/2025; chị T đã nộp đủ án phí.

Anh Nguyễn Văn Hoài L không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tham gia phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- UBND xã Nhon Mỹ, huyện Chợ Mới,

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

Hà Huy Phong